

# Báo cáo thị trường tiền tệ

## NHNN quay lại hút thanh khoản khi DXY tăng mạnh

### NHNN rút thanh khoản đáng kể

Tuần thứ hai của năm 2025, NHNN đã quay lại thực hiện việc rút thanh khoản đáng kể khi đồng USD mạnh lên. Cụ thể, NHNN phát hành 55.00 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua lại, trong khi có 73.99 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến việc rút ròng 18.99 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Thêm vào đó, NHNN đã hút 33.61 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng bằng cách phát hành 68.75 nghìn tỷ đồng tín phiếu kho bạc, trong khi có 35.14 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần. Tổng cộng, NHNN đã rút ròng 52.60 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng trong tuần thứ hai của năm 2025.

### Lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh ở các kỳ hạn ngắn

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng đã tăng đáng kể ở các kỳ hạn ngắn. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 3 tuần và 1 tháng lần lượt tăng 80 điểm cơ bản, 70 điểm cơ bản, 55 điểm cơ bản, 20 điểm cơ bản và 10 điểm cơ bản, đạt mức 4.60%, 4.80%, 4.85%, 5.00% và 5.10%. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày đã giảm mạnh 25.55% so với tuần trước, chỉ còn 398.71 nghìn tỷ đồng.

### USDVND tiếp tục giảm

Trong tuần này, USDVND giảm tuần thứ ba liên tiếp, trong bối cảnh DXY tiếp tục tăng mạnh. Tỷ giá USDVND trên thị trường liên ngân hàng giảm nhẹ 0.22%, tương đương 57 điểm phần trăm so với tuần trước, chốt ở mức 25,371 vào ngày thứ Sáu. Trong nước, áp lực tỷ giá giảm nhẹ nhờ các động thái can thiệp của NHNN trong những tuần trước đó mặc dù khối ngoại tiếp tục gia tăng áp lực bán ròng trên sàn HOSE với giá trị 1.00 nghìn tỷ đồng, tương đương 2% tổng giá trị giao dịch. Trên thị trường quốc tế, DXY tiệm cận vùng 110 khi dữ liệu lao động Mỹ khả quan làm giảm kỳ vọng về việc Fed sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất, đồng thời rủi ro địa chính trị gia tăng khi ngày nhậm chức của Donald Trump đang đến gần.

### Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	T12/24	Corr. <sup>1</sup>
FDI %n/n	9.5	5.3	13.2	7.6	-6.7	25.2	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.6	8.4	7.1	9.4	8.4	9.3	-0.18
Xuất khẩu %n/n	20.2	15.2	10.7	10.1	8.2	12.9	-0.16
Nhập khẩu %n/n	25.0	14.7	11.1	13.6	9.8	19.2	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	2.4	4.0	2.3	2.0	1.1	0.5	-0.11
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.48		0.29	0.33	0.13	0.29	-0.06
Tín dụng %n/n	15.3	15.7	16.1	16.6	15.8	13.8	-0.23
USDVND %t/t	-0.81	-1.48	-1.24	2.91	0.25	0.55	-0.39
PMI(Điểm)	54.7	52.4	47.3	51.2	50.8	49.8	-0.25
VNINDEX %t/t	0.7	2.6	0.8	-1.8	-1.0	-1.1	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

<sup>1</sup> Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;  
Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

### Nội dung

I. NHNN rút thanh khoản đáng kể .....	1
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở kỳ hạn ngắn.....	3
III. Lợi suất TPCP tăng ở tất cả các kỳ hạn .....	4
IV. USDVND tiếp tục giảm .....	6
Thống kê vĩ mô .....	8
Phụ lục .....	9

**Research Dept.**

researchdept@kisvn.vn

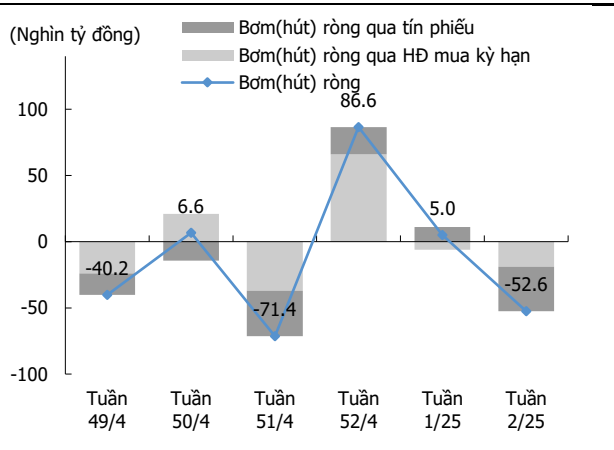
# I. NHNN rút thanh khoản đáng kể

**NHNN rút thanh khoản đáng kể trong bối cảnh áp lực tỷ giá hạ nhiệt**

Tuần thứ hai của năm 2025 (từ ngày 6 đến ngày 10 tháng 1), NHNN đã quay lại thực hiện việc rút thanh khoản đáng kể khi đồng USD mạnh lên. Cụ thể, NHNN phát hành 55.00 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua lại, trong khi có 73.99 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến việc rút ròng 18.99 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Thêm vào đó, NHNN đã hút 33.61 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng bằng cách phát hành 68.75 nghìn tỷ đồng tín phiếu kho bạc, trong khi có 35.14 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần. Tổng cộng, NHNN đã rút ròng 52.60 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng trong tuần thứ hai của năm 2025.

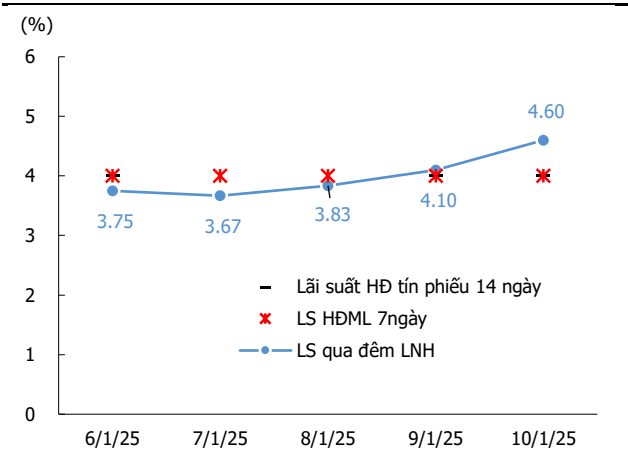
Trong tuần này, các biến động trên đường cong lãi suất liên ngân hàng được dẫn dắt bởi nỗ lực của NHNN nhằm tái cân bằng thanh khoản trong hệ thống ngân hàng, sau các đợt bơm mạnh thanh khoản trước đó nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cuối năm 2024. Đồng thời, động thái này của NHNN cũng giúp giảm áp lực tỷ giá trong tuần bằng cách thu hẹp chênh lệch lãi suất giữa VND và USD trước Tết Nguyên Đán. Trong các tuần tới, biến động tỷ giá USD/VND sẽ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô, dự kiến sẽ tiếp tục gây thêm áp lực lên NHNN.

**Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng**



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 2. Hành lang lãi suất**



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 3. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn**

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
6/1/25	13/1/25	7	5.00	4.00
7/1/25	14/1/25	7	5.00	4.00
8/1/25	15/1/25	7	7.00	4.00
9/1/25	16/1/25	7	13.00	4.00
10/1/25	17/1/25	7	25.00	4.00
<b>Total</b>		<b>7</b>	<b>55.00</b>	<b>4.00</b>

Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 4. Thông tin về phát hành TP kỳ hạn 7 ngày**

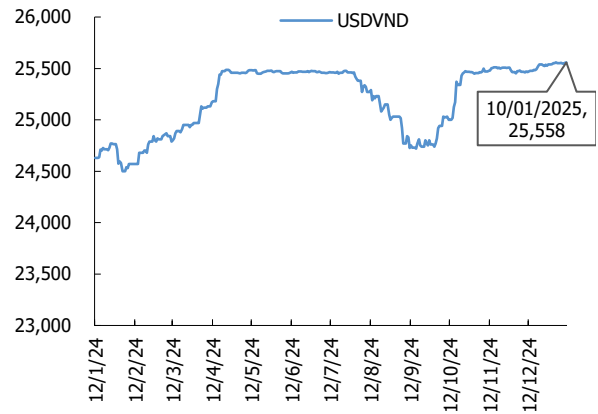
Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
6/1/25	13/1/25	7	12.45	4.00
7/1/25	14/1/25	7	16.60	4.00
8/1/25	15/1/25	7	0.50	4.00
9/1/25	16/1/25	7	0.50	4.00
10/1/25	17/1/25	7	2.85	4.00
<b>Total</b>		<b>7</b>	<b>32.90</b>	<b>4.00</b>

Nguồn: NHNN, KIS

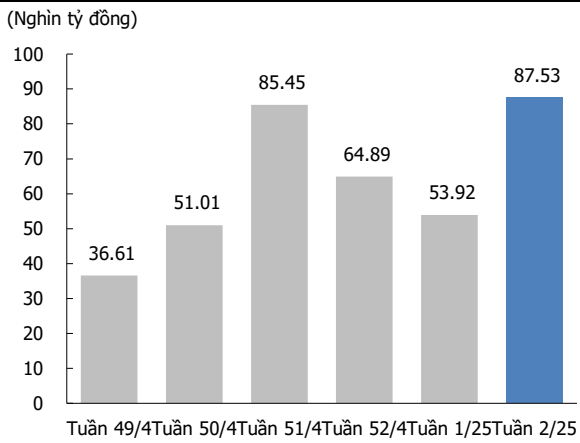
**Hình 5. Thông tin về phát hành TP kỳ hạn 14 ngày**

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
6/1/25	20/1/25	14	6.60	4.00
7/1/25	21/1/25	14	8.65	4.00
8/1/25	22/1/25	14	9.65	4.00
9/1/25	23/1/25	14	7.15	4.00
10/1/25	24/1/25	14	3.80	4.00
<b>Total</b>		<b>14</b>	<b>35.85</b>	<b>4.00</b>

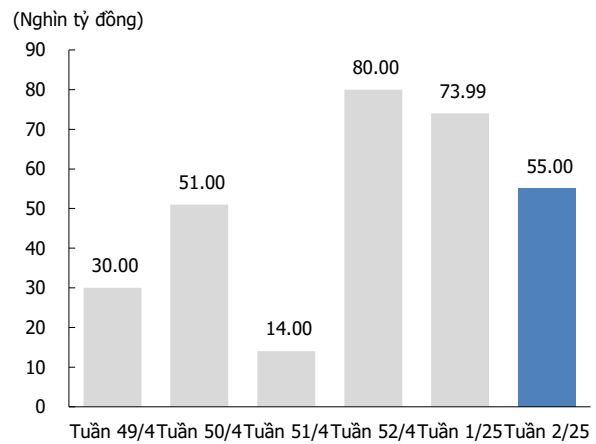
Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 6. Diễn biến USDVND**

Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 7. Tín phiếu đang lưu hành**

Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 8. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành**

Nguồn: NHNN, KIS

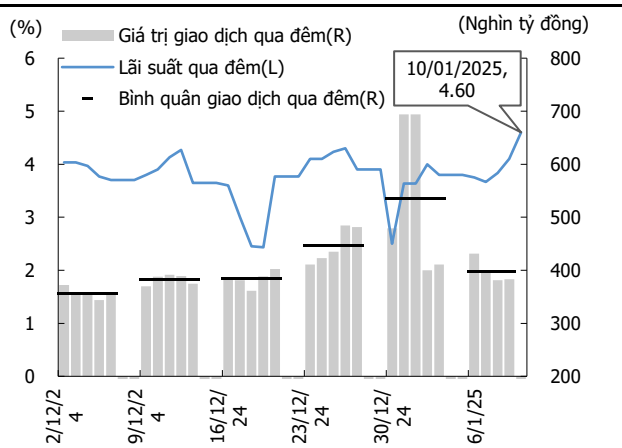
## II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở kỳ hạn ngắn

### Đường cong lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh ở các kỳ hạn ngắn

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng đã tăng đáng kể ở các kỳ hạn ngắn. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W), 3 tuần (3W) và 1 tháng (1M) lần lượt tăng 80 điểm cơ bản, 70 điểm cơ bản, 55 điểm cơ bản, 20 điểm cơ bản và 10 điểm cơ bản, đạt mức 4.60%, 4.80%, 4.85%, 5.00% và 5.10%. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày đã giảm mạnh 25.55% so với tuần trước, chỉ còn 398.71 nghìn tỷ đồng.

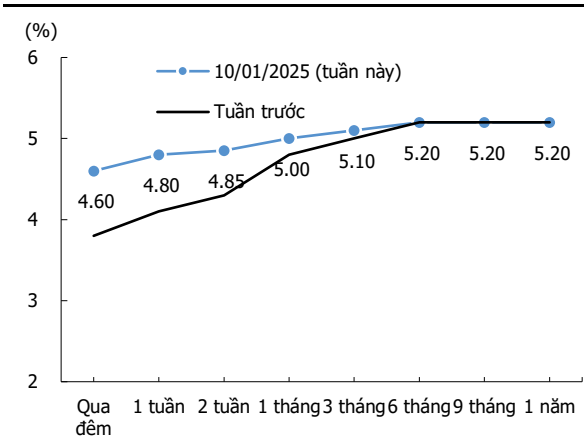
Trong tuần, NHNN đã chuyển sang vị thế rút ròng sau khi bơm một lượng lớn thanh khoản VND vào thị trường trong hai tuần trước đó, cho thấy xu hướng thắt chặt thanh khoản nhằm duy trì lãi suất VND trên thị trường liên ngân hàng. Trong những tuần tới, thị trường sẽ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô, do đó NHNN có thể tiếp tục sử dụng các hoạt động thị trường mở để quản lý thanh khoản trong hệ thống ngân hàng, nhằm giảm áp lực tỷ giá. Vì vậy, chúng tôi dự báo lãi suất liên ngân hàng có thể biến động mạnh hơn trong thời gian tới.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



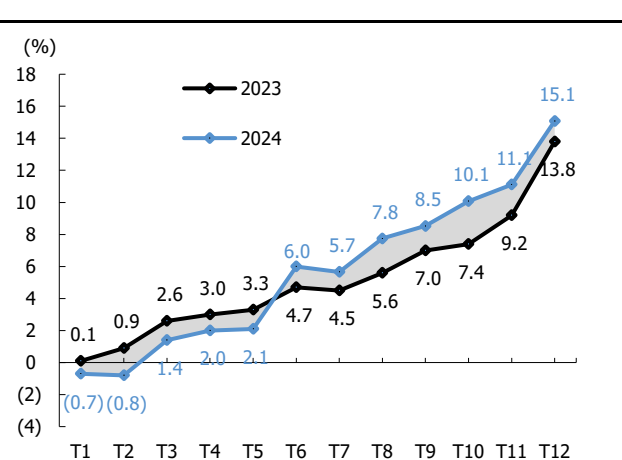
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



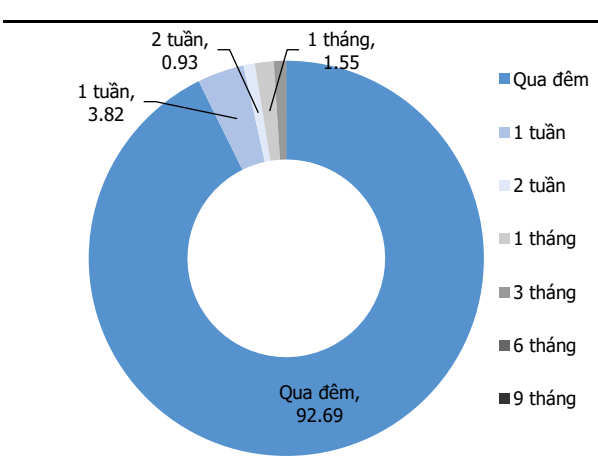
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN  
Ghi chú: Cập nhật đến ngày 5 tháng năm 2024

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



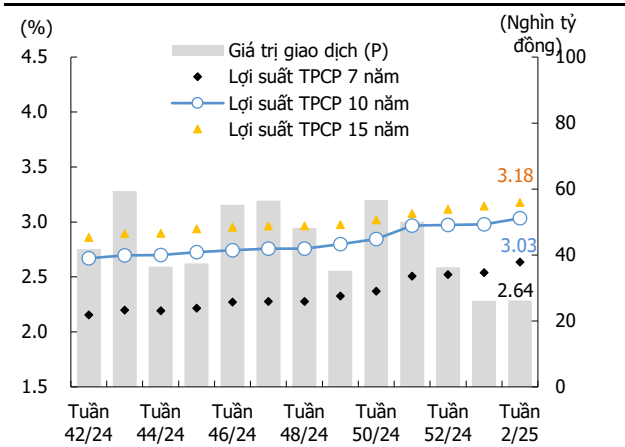
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

### III. Lợi suất TPCP tăng ở tất cả các kỳ hạn

**Lợi suất TPCP tăng ở các kỳ hạn, với giá trị giao dịch gần như không đổi**

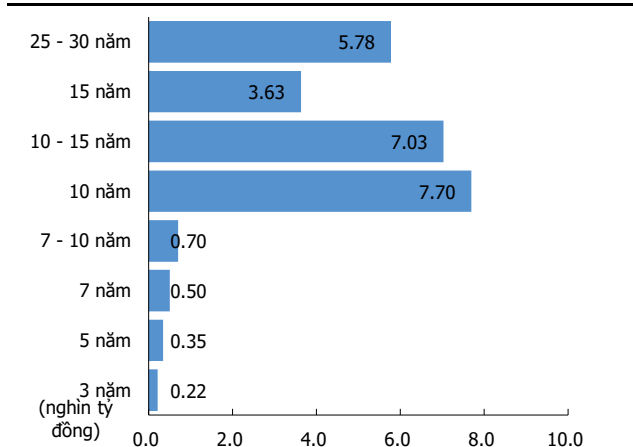
Trong tuần này, lợi suất trái phiếu Chính phủ (TPCP) tăng ở tất cả các kỳ hạn, trong khi giá trị giao dịch gần như không thay đổi, chỉ tăng nhẹ 0.32% so với tuần trước, đạt 26.19 nghìn tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày là 5.24 nghìn tỷ đồng. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn được giao dịch tích cực như 5 năm, 7 năm, 10 năm, 15 năm, và 30 năm lần lượt tăng 6 điểm cơ bản, 10 điểm cơ bản, 5 điểm cơ bản, 3 điểm cơ bản, và 1 điểm cơ bản, đạt mức 2.36%, 2.64%, 3.03%, 3.18%, và 3.29%.

**Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần**



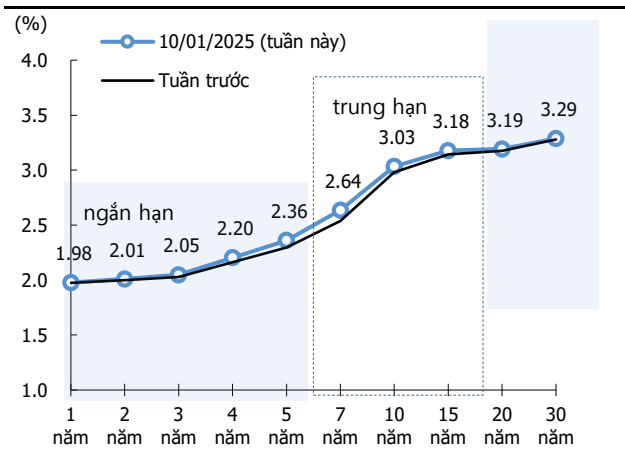
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

**Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn**



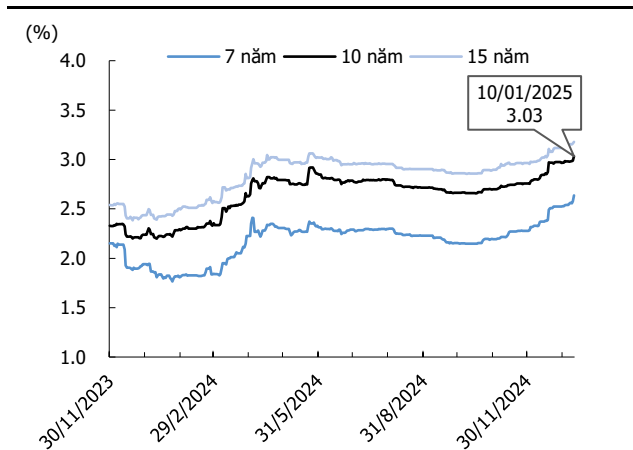
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

**Hình 15: Đường cong lãi suất TPCP**



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

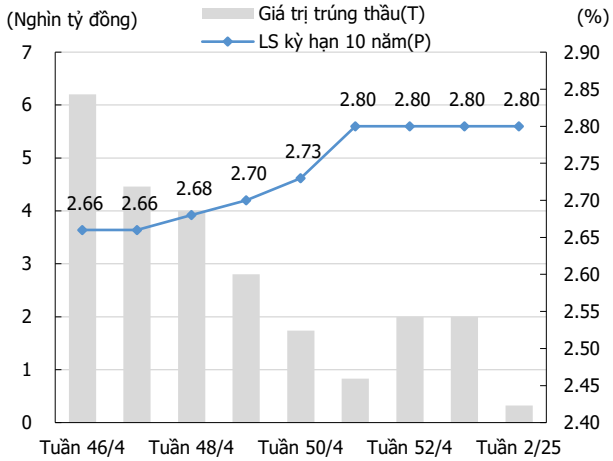
**Hình 16: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày**



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

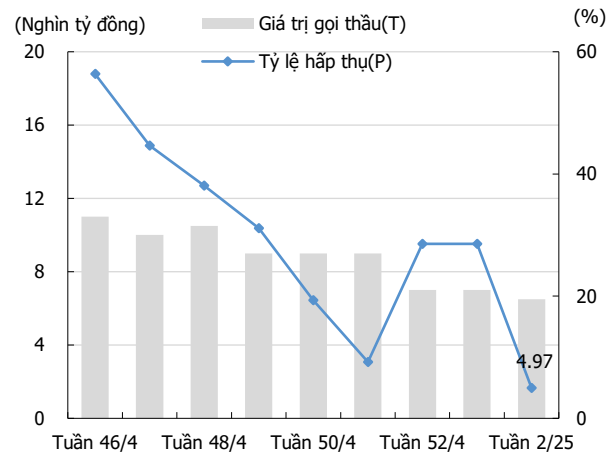
Trên thị trường sơ cấp, KBNN đã phát hành thành công 0.32 nghìn tỷ đồng trong tuần thứ hai của năm, với lãi suất trúng thầu ổn định ở mức 2.80%. Trong 2 tuần đầu tiên của năm, KBNN mới chỉ hoàn thành 0.5% mục tiêu của năm 2025, chậm hơn so với 1.48% của cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy nhu cầu vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục, được thể hiện qua tỷ lệ đấu thầu tiếp tục giảm mạnh trong tuần này.

**Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần**



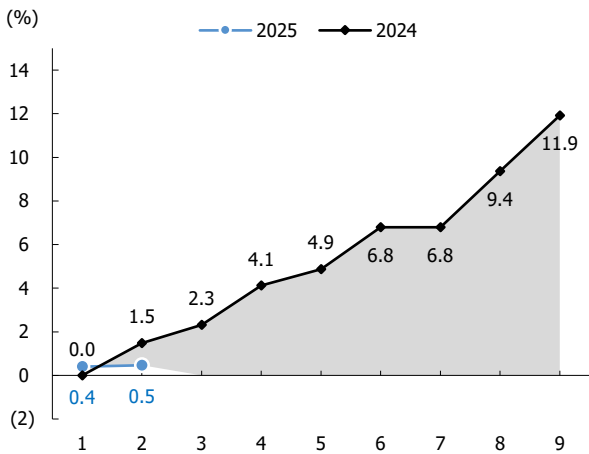
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần**



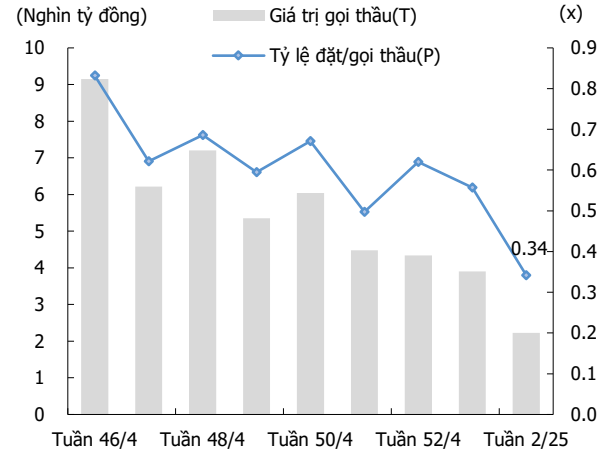
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024**



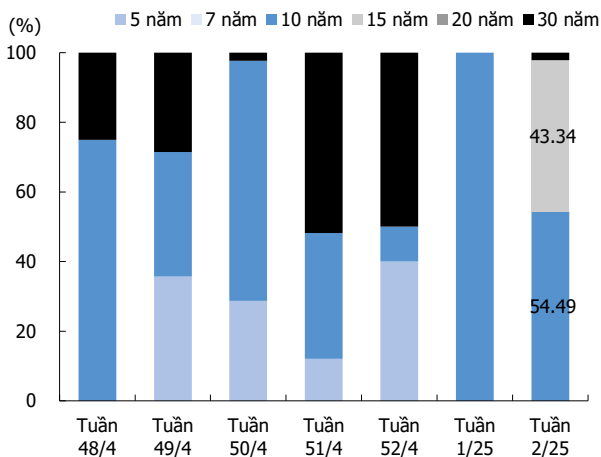
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần**



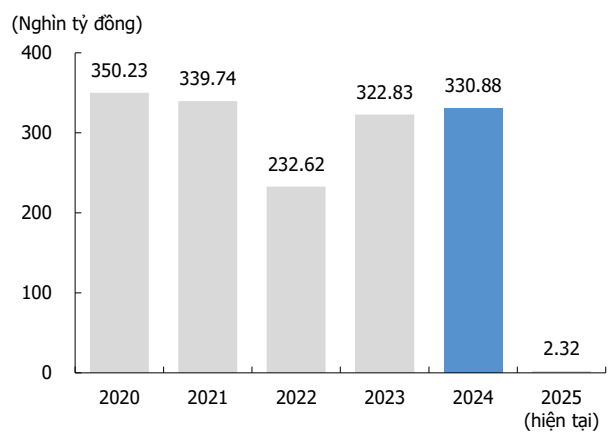
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần**



Nguồn: HNX, KIS

**Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng năm**



Nguồn: HNX, KIS

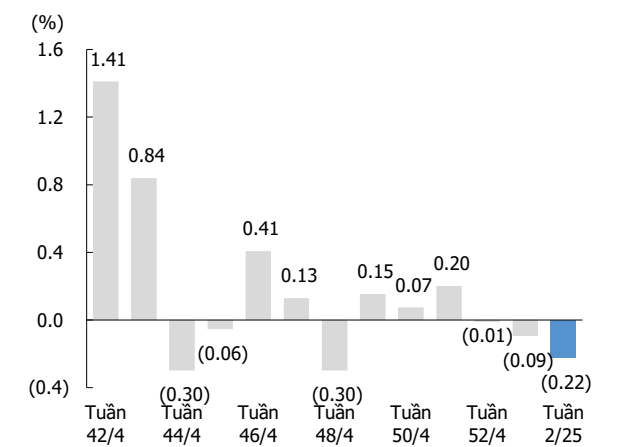
## IV. USDVND tiếp tục giảm

### USDVND tiếp tục giảm trong ba tuần liên tiếp

Trong tuần này, USDVND giảm tuần thứ ba liên tiếp, trong bối cảnh DXY tiếp tục tăng mạnh. Tỷ giá USDVND trên thị trường liên ngân hàng giảm nhẹ 0.22%, tương đương 57 điểm phần trăm so với tuần trước, chốt ở mức 25,371 vào ngày thứ Sáu. Trong nước, áp lực tỷ giá giảm nhẹ nhờ các động thái can thiệp của NHNN trong những tuần trước đó mặc dù khối ngoại tiếp tục gia tăng áp lực bán ròng trên sàn HOSE với giá trị 1.00 nghìn tỷ đồng, tương đương 2% tổng giá trị giao dịch. Trên thị trường quốc tế, DXY tiệm cận vùng 110 khi dữ liệu lao động Mỹ khả quan làm giảm kỳ vọng về việc Fed sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất, đồng thời rủi ro địa chính trị gia tăng khi ngày nhậm chức của Donald Trump đang đến gần. Cụ thể, động lực tăng giá của USD được thúc đẩy bởi dữ liệu Mỹ khả quan, làm giảm kỳ vọng về việc Fed sẽ nới lỏng chính sách hơn nữa, cùng với đó là nhiệm kỳ của Trump đang đến gần trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị trở nên gay gắt hơn.

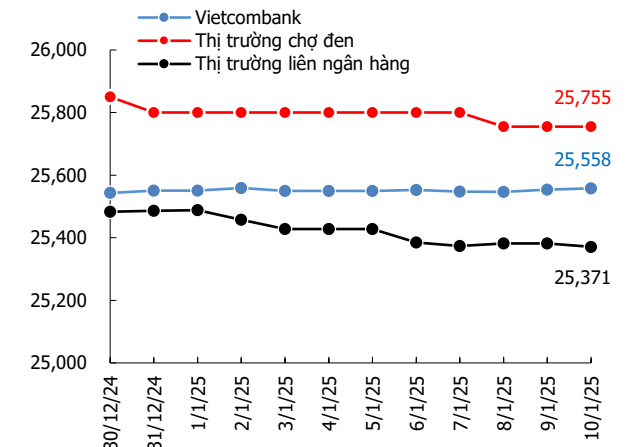
Về diễn biến thị trường ngoại hối ở các phân khúc, giá chào bán tại Vietcombank tăng nhẹ 0.03% hay 8 điểm phần trăm, trong khi giá trên thị trường tự do giảm 0.17% hay 45 điểm phần trăm so với tuần trước. Vào ngày thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt được ghi nhận ở mức 25,558 và 25,755 đồng cho một USD.

Hình 23: Diễn biến của USDVND theo tuần



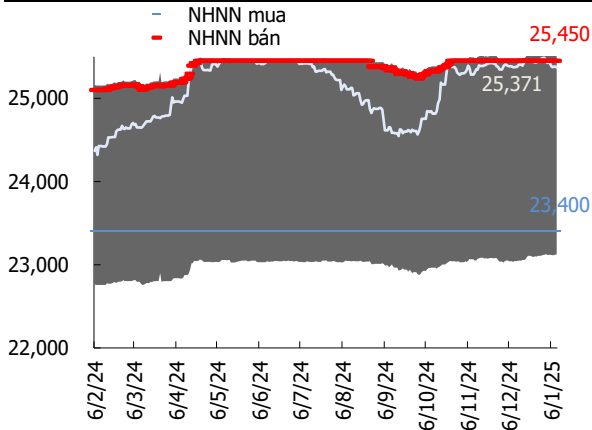
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



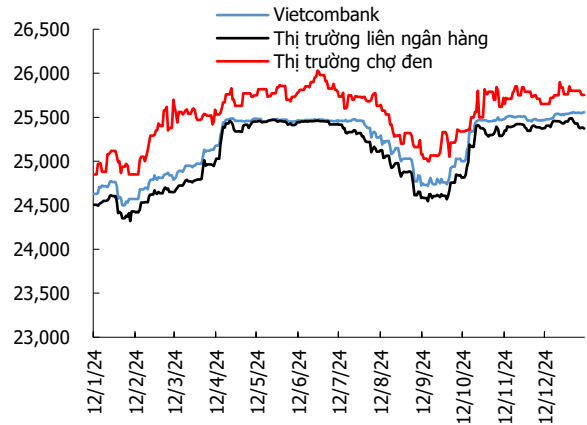
Nguồn: TCTT, KIS

**Hình 25: Diễn biến giao dịch của NHNN**



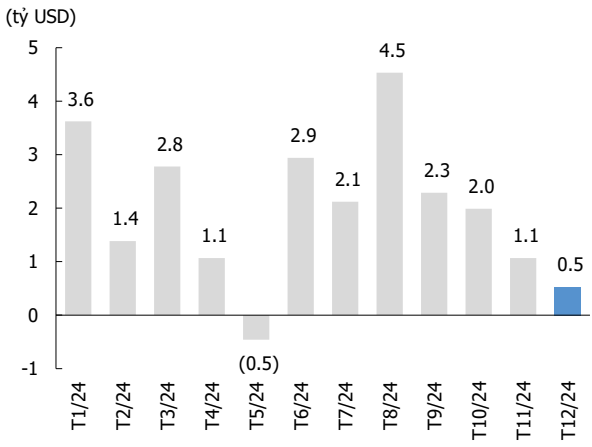
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

**Hình 26: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng**



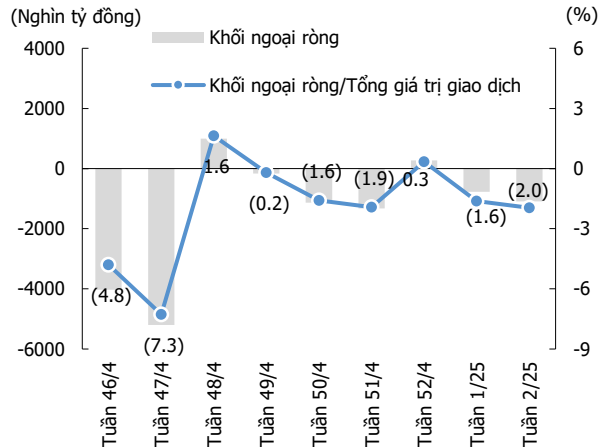
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

**Hình 27: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng**



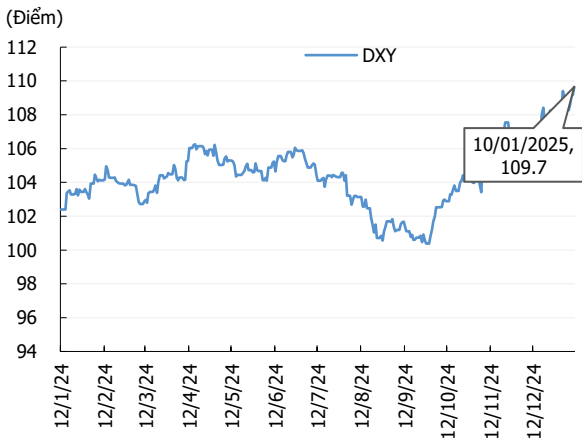
Nguồn: NHNN, Bloomberg  
Ghi chú: Cập nhật đến 20 tháng 12, 2024

**Hình 28: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần**



Nguồn: Fiinpro, KIS

**Hình 29: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng**



Nguồn: NHNN, Bloomberg

**Hình 30: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật**

Tỷ giá	Cơ chế	52W4	1W25	2W25	2025YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	0.35	0.88	0.64	1.07
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.01	0.35	0.15	0.46
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	-0.04	-1.13	-0.62	-1.06
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	1.00	-0.39	0.30	0.34
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	1.64	0.00	0.03	-0.04
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	0.19	0.86	0.09	0.42
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	-1.05	1.03	0.35	1.42
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	-0.01	-0.09	-0.22	-0.46

Nguồn: NHNN, Bloomberg  
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá tăng nhẹ; Đỏ = Giá giảm.



## Thống kê vĩ mô

	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	T12/24	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						5.66	6.93	7.43	7.55	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	2.53	4.26	2.48	4.12	6.85	6.18	9.01	9.59	13.44	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.24	2.29	2.23	2.22	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	37.59	34.05	35.59	33.73	35.53	93.06	98.2	108.6	105.9	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	33.06	31.76	33.60	32.67	35.00	84.98	94.0	99.7	101.9	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	14.54	10.70	10.09	8.16	12.85	16.98	13.59	15.82	11.46	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	12.38	11.06	13.56	9.81	19.23	13.88	20.65	17.19	14.91	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	3.45	2.63	2.68	2.77	2.94	3.77	4.39	3.48	2.87	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/VND	24,860	24,093	25,282	25,346	25,386	24,786	25,458	24,093	25,386	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	15.7	16.1	16.2	15.8	13.8	12.5	15.3	16.1	13.8	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	2.83	2.66	2.70	2.76	2.94	2.59	2.81	2.66	2.94	2.11	5.08	2.39	2.94

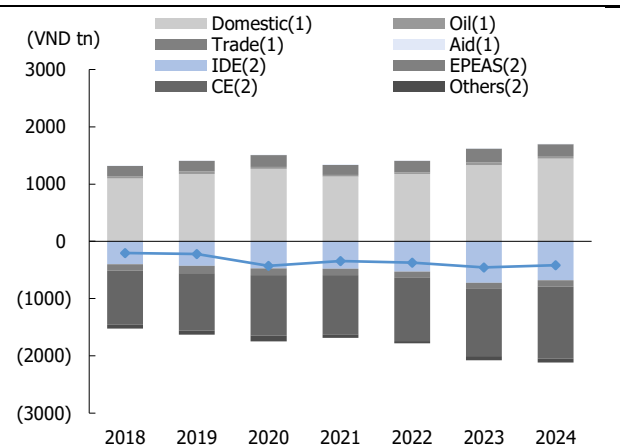
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

### \*\*Khái niệm

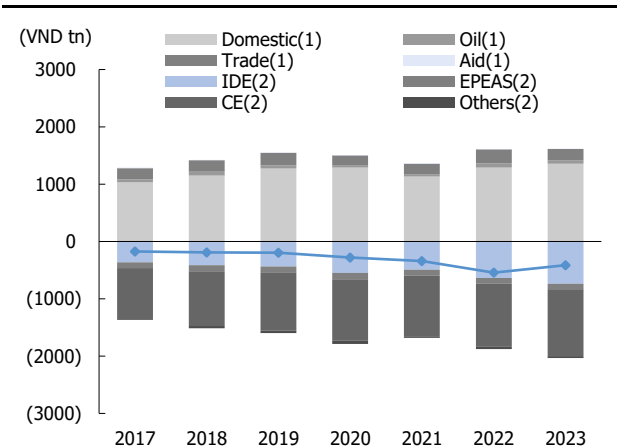
- \* Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.80%
- \* Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 4.97%
- \* Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.34%
- \* DXY = Chỉ số giá USD Index, ~109.7
- \* OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- \* Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- \* ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~4.60%

## Phụ lục

**Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến**



**Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế**



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

**Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam ( tỷ USD)**

	2020	2021	2022	2023	2Q24	3Q24
<b>Cán cân vãng lai</b>	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	4.5	7.8
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	97.9	108.2
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	89.3	94.6
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	8.5	13.6
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.5	5.9
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.3	9.8
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	5.4	6.1
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	3.8	3.9
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.1	1.0
<b>Cán cân tài chính</b>	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	5.0	5.2
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)
<b>Lỗi và sai sót</b>	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

#### **VIET NAM**

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)  
KIS Vietnam Securities Corporation  
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.  
Fax: 8428 3821-6898

#### **SOUTH KOREA**

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)  
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)  
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea  
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320  
Fax: 822 3276 5681~3  
Telex: K2296

#### **NEW YORK**

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)  
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)  
Korea Investment & Securities America, Inc.  
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110  
New York, NY 10019  
Fax: 1 212 314 0699

#### **HONG KONG**

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)  
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.  
Suite 2220, Jardine House  
1 Connaught Place, Central, Hong Kong  
Fax: 852-2530-1516

#### **SINGAPORE**

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)  
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)  
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd  
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place  
Singapore 048616  
Fax: 65 6501 5617

#### **LONDON**

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)  
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.  
2nd Floor, 35-39 Moorgate  
London EC2R 6AR  
Fax: 44-207-236-4811

---

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.